| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THOẠI SƠN**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/4/2023
V/v "Ly hôn, t/c về nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức

2. Ông Võ Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: bà Huỳnh Tiểu Ngọc – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn: bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/01/2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Bùi Thị N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn chị N có mặt. Bị đơn anh L vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu, chị với anh Nguyễn Văn L quyết định sống chung với nhau vào năm 2013, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Sau khi sống chung được khoảng vài tháng thì do kinh tế khó khăn nên

chị cũng gia đình chồng quyết định lên Đồng Nai làm công nhân, cũng từ thời gian này vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra tính tính anh L cũng thay đổi, hay ăn nhậu. Năm 2014 chị sinh con nên chuyển về nhà cha mẹ ruột sống, khoảng 01 năm sau anh L cũng về sống chung lại với chị, hai vợ chồng đi làm công nhân tại Long Xuyên. Thời gian này anh L có nhiều tật xấu như ăn nhậu, đi làm tiền lương không đưa chị phụ tiếp sinh hoạt gia đình và nuôi con, chị cũng phát hiện anh L nhắn tin qua lại với người phụ nữ khác nhưng chị vẫn cố chịu đựng và bỏ qua. Năm 2018, sau một lần vợ chồng cãi nhau anh L đã bỏ đi và vợ chồng cũng chính thức sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy thời gian ly thân đã lâu, không thể hàn gắn lại được nên chị N yêu cầu giải quyết như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị N xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

+ Về quan hệ con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Tấn B sinh ngày 12/5/2014 hiện đang sống với chị N. Sau ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn L: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh L nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay anh L vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của chị N.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời hạn chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 như: Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý và giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Quá trình thụ lý Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ khi tiến hành lập hồ sơ vụ án, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tống đạt và niêm yết hợp lệ các thông báo và quyết định, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa nên đã tự từ bỏ quyền của mình.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 8, 9, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: giao cháu Nguyễn Tấn B cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

Chị N là nguyên đơn nên phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con. Bị đơn anh Nguyễn Văn L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã Đ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Văn L chung sống với nhau từ năm 2013 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang; được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21, ngày 23/02/2016. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu của chị Bùi Thị N, thấy: trong quá trình giải quyết vụ án chị N trình bày rằng chị với anh L sống ly thân từ tháng 2018 cho đến nay. Khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân anh L cũng có ý hàn gắn nhưng chị N không đồng ý do hiện nay tình cảm không, mặt khác chị N cũng biết hiện nay anh L vẫn còn qua lại với người phụ nữ khác nên chị không thể quay lại sống chung. Trong quá trình giải quyết Tòa án có tiến hành thông báo hòa giải nhằm mục đích động viên, hàn gắn nhưng anh L vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện nguyện vọng muốn được hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị N để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc con. Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh L không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[2.3] Về quan hệ con chung: Qua chứng cứ chị N cung cấp thì chị N và anh L có 01 con chung tên Nguyễn Tấn B sinh ngày 12/5/2014. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay anh N là người trực tiếp nuôi con. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 09/3/2023 nguyện vọng của cháu Tấn B là được tiếp tục sống cùng với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Chị N cũng đồng ý với ý kiến của cháu. Trong quá trình giải quyết, anh L cũng không có văn bản nào thể hiện ý kiến tranh chấp về phần con chung. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 giao con chung Tấn B chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: không có.

[3] Từ những phân tích trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn là phù hợp.

[4] Về án phí: chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 điều 28, điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và khoản 1 điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 21, ngày 23/02/2016 ngày của Ủy ban nhân dân xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung:

Giao con chung Nguyễn Tấn B sinh ngày 12/5/2014 (hiện đang sống với chị Bùi Thị N) cho chị Bùi Thị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N phải tạo điều kiện cho anh L được quyền đến thăm nom con, không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung và nợ chung: không có. Tuy nhiên sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Văn L phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí: chị Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011480 ngày 16/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Bùi Thị N được quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Văn L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (thị trấn) nơi cư trú để yêu cầu xem xét phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện Thoại Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoài Lâm**